

Số: 37/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 18/4/2022
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Cúc

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Triệu Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn V, xã N, thị xã N, tỉnh K.

Có mặt.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Thành H - sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn V, xã N, thị xã N, tỉnh K.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 30/12/2021, bản tự khai ngày 28/02/2022, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Triệu Thị H trình bày:

Bà Triệu Thị H và ông Nguyễn Thành H tự nguyện chung sống với nhau năm 2009 và đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay là phường Ninh Hiệp), thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, bà H và ông H không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi

vả nhau. Ngoài ra ông H còn thường xuyên xúc phạm danh dự bà H. Hai bên đã cố gắng hòa giải để duy trì hạnh phúc gia đình nhưng càng cố gắng thì mâu thuẫn càng trầm trọng. Bà H và ông H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn và để ổn định cuộc sống nên bà H yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành H.

Về con chung: Bà H và ông H có 02 con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 05/5/2010 và Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 21/3/2013. Hiện nay cháu Đạt và cháu Phúc đang ở cùng ông H nên bà H xin giao 02 con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 05/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Bà H xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/03/2022 ông Nguyễn Thành H trình bày: Ông H và bà H tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay là phường Ninh Hiệp), thị xã N. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lẫn tính cách nên xảy ra cãi vã nhau, xúc phạm danh dự, lòng tự trọng của nhau nên bà H yêu cầu ly hôn, ông H đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông H và bà H có 02 con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 05/5/2010 và , sinh ngày 21/3/2013. Hiện nay 02 con chung đang ở với ông H nên ông H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Ông H xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 05/5/2010 và Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 21/3/2013 cho H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà Triệu Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung bà H và ông H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thành H đã được Tòa án thông báo hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 06/4/2022 ông H không có mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 18/4/2022 ông H tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Triệu Thị H khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Thành H có địa chỉ tại thôn Thôn V, xã N, thị xã N về việc “Ly hôn” là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị H và ông Nguyễn Thành H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay phường Ninh Hiệp), thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyền số 01 cấp ngày 15/7/2010. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2017 các bên phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Mặc dù các bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt được kết quả. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà H và ông H không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có níu kéo cũng không đem lại hạnh phúc cho các bên. Mặt khác, bị đơn ông Nguyễn Thành H cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Triệu Thị H đối với ông Nguyễn Thành H.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà H và ông H có hai con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 05/5/2010 và Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 21/3/2013. Bà H có nguyện vọng giao cháu Đạt và cháu Phúc cho ông H nuôi dưỡng vì ông H có khả năng và điều kiện tốt để chăm sóc các cháu. Tại biên bản lấy lời khai ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Đạt và cháu Phúc. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi bà H và ông H sống ly thân đến nay thì cháu Đạt và cháu Phúc do ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Đạt mong muốn được ở với ông H. Đối với cháu Phúc Tòa án đã phối hợp chính quyền địa phương tới nhà ông H để lấy ý kiến cháu Phúc có nguyện vọng ở cùng ai trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà H và ông H nhưng ông H không đồng ý cho cháu Phúc làm việc với Tòa án do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai được. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh thì cháu Phúc đang ở với ông H và được ông H chăm sóc tốt, bà H không có chỗ ở ổn định, không đủ điều kiện chăm sóc cho cháu Phúc. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Đạt, cháu Phúc Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu

Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 05/5/2010 và Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 21/3/2013 cho ông Nguyễn Thành H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2022, ông Nguyễn Thành Hyêu cầu bà Triệu Thị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa bà H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng) nên buộc bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 con chung là **Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 05/5/2010 và Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 21/3/2013** mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu. Tổng cộng mỗi tháng bà H phải cấp dưỡng nuôi 2 con chung là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 05/2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Triệu Thị H và ông Nguyễn Thành H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Triệu Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thành H.

- Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Thành H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là **Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 05/5/2010 và Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 21/3/2013** đến tuổi trưởng thành. Bà Triệu Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 con chung là Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thiên Ph mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu. Tổng cộng mỗi tháng bà H phải cấp dưỡng nuôi 2 con chung là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 05/2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, bà Triệu Thị H và ông Nguyễn Thành H có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Triệu Thị H và ông Nguyễn Thành H không yêu cầu nên không xét.

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Về án phí: Bà Triệu Thị H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004378 ngày 04/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà H phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND phường Ninh Hiệp thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Nguyễn Thị Thủy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND phường Ninh Hiệp thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Nguyễn Thị Thủy